

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHỢ MỚI  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2022/DS-ST

Ngày: 12/7/2022

“V/v Tranh chấp Hợp đồng góp  
hụi”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Trung Kiên.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Phan Thị Nga;

2. Ông Đặng Văn Tâm.

***Thư ký phiên tòa:*** Ông Đinh Bá Thi, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:*** Bà Đoàn Thụy Thùy Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 193/2022/TLST-DS ngày 30 tháng 5 năm 2022 về việc “Tranh chấp Hợp đồng góp hụi”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 340/2022/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn X, sinh năm 1972; địa chỉ: ấp KB1, xã KA, huyện CM, tỉnh An Giang; có mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Lê Thị Th, sinh năm 1970; địa chỉ: ấp HT, xã KA, huyện CM, tỉnh An Giang; có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Văn X trình bày, bà Lê Thị Th có tham gia chơi hụi do tôi làm chủ hụi. Cụ thể bà Th tham gia làm thành viên hụi của 05 dây hụi nhưng tên ghi trong các sổ hụi là “Vợ Dũng”. Các dây hụi mà tôi tổ chức đăng ký hay trình báo với Ủy ban nhân dân xã.*

- Dây hụi thứ nhất: hụi 5.000.000 đồng, hụi có lãi, dây hụi bắt đầu từ ngày 06/3/2020 (âm lịch); mở hụi vào ngày 06/3 (âm lịch) hàng tháng; các bên tham

gia hội thỏa thuận hoa hồng đối với chủ hội là 2.000.000 đồng. Dây hội gồm 22 hội viên, bà Th tham gia 01 phần hội, bà Th đã góp được 15 kỳ hội, còn 07 kỳ hội chưa góp. Bà Th đã lãnh hội ngày 06/4/2020. Khi lãnh hội bà Th đưa ra số tiền lãi là 700.000 đồng và tôi đã thu gom tiền hội của các thành viên đưa lại cho bà Th 91.000.000 đồng, và bà Th đưa tiền hoa hồng cho tôi là 2.000.000 đồng, tổng bà Th được nhận là 89.000.000 đồng. Khi đưa tiền thì tôi không làm giấy giao nhận, ngày giao tiền là ngày 10/4/2020 (âm lịch). Dây hội đã kết thúc vào ngày 06/11/2021 (âm lịch). Số tiền mà bà Th phải đóng lại là 7 kỳ x 5.000.000 đồng = 35.000.000 đồng.

- Dây hội thứ 2: hội 5.000.000 đồng, hội có lãi, dây hội bắt đầu từ ngày 10/10/2019 (âm lịch); mở hội vào ngày 10/10 (âm lịch) hàng tháng; các bên tham gia hội thỏa thuận hoa hồng đối với chủ hội là 2.00.000 đồng; Dây hội gồm 22 hội viên, bà Th tham gia 01 phần hội; bà Th đã góp được 19 kỳ hội, còn 03 kỳ hội chưa góp. Bà Th đã hót hội ngày 10/11/2019. Khi lãnh hội bà Th đưa ra số tiền lãi là 700.000 đồng và tôi đã thu gom tiền hội của các thành viên đưa bà Th 91.000.000 đồng, bà Th đưa tiền hoa hồng cho tôi là 2.000.000 đồng, tổng cộng số tiền bà Th nhận là 89.000.000 đồng. Khi đưa tiền thì tôi không làm giấy giao nhận, ngày giao tiền là ngày 15/11/2019 (âm lịch). Dây hội đã kết thúc ngày 10/6/2021 (âm lịch). Số tiền mà bà Th phải đóng lại là 3 kỳ x 5.000.000 đồng = 15.000.000 đồng.

- Dây hội thứ 3: hội 5.000.000 đồng, hội có lãi, dây hội bắt đầu từ ngày 15/4/2020 (âm lịch, năm 2020 nhuận 02 tháng 4); các bên tham gia hội thỏa thuận hoa hồng đối với chủ hội là 2.000.000 đồng. Dây hội gồm 22 hội viên, bà Th tham gia 01 phần hội; bà Th đã góp được 14 kỳ hội, còn 08 kỳ hội chưa góp. Bà Th đã hót hội ngày 15/4/2020 (âm lịch, tháng 4 sau của năm nhuận 02 tháng 4). Khi lãnh hội bà Th đưa ra số tiền lãi là 700.000 đồng và tôi đã thu gom tiền hội của các thành viên đưa bà Th 91.000.000 đồng, và bà Th đưa tiền hoa hồng cho tôi là 2.000.000 đồng, tổng số tiền bà Th đã nhận là 89.000.000 đồng, ngày giao tiền là ngày 20/4/2020 (tháng 4 sau), khi đưa tiền thì tôi không làm giấy giao nhận. Dây hội đã kết thúc ngày 15/12/2021 (âm lịch). Số tiền mà bà Th phải đóng lại là 8 kỳ x 5.000.000 đồng = 40.000.000 đồng.

- Dây hội thứ 4: hội 2.000.000 đồng, hội có lãi, dây hội bắt đầu từ ngày 20/5/2020 (âm lịch); các bên tham gia hội thỏa thuận hoa hồng đối với chủ hội là 1.00.000 đồng. Dây hội gồm 22 hội viên, bà Th tham gia 02 phần hội; bà Th đã góp được 12 kỳ hội x 02 phần = 24 kỳ hội, còn 10 kỳ hội x 02 phần = 20 kỳ hội chưa góp. Bà Th lãnh hội 02 lần cho 02 phần hội, cụ thể:

+ Phần hội thứ nhất: bà Th lãnh ngày 20/6/2020 (âm lịch); bà Th đưa ra số tiền lãi là 300.000 đồng và tôi đã thu tiền hội của các thành viên đưa cho bà Th 36.000.0000 đồng vào ngày 25/6/2020 (âm lịch); khi giao tiền thì không làm giấy giao nhận. Bà Th đưa cho tôi 1.000.000 đồng tiền hoa hồng; tổng số tiền tôi đưa cho bà Th là 35.000.000 đồng.

+ Phần hội thứ 2: bà Th lãnh hội ngày 20/7/2020 (âm lịch); bà Th đưa ra

tiền lãi là 300.000 đồng và tôi đã thu tiền hội của các thành viên đưa cho bà Th 36.300.000 đồng vào ngày 25/7/2020 (âm lịch); khi giao tiền thì không làm giấy giao nhận. Bà Th đưa cho tôi 1.000.000 đồng tiền hoa hồng; tổng số tiền tôi đưa cho bà Th là 35.300.000 đồng.

Dây hội này đã kết thúc vào ngày 25/2/2022. Số tiền mà bà Th còn phải đóng hội là 40.000.000 đồng cho 02 phần hội.

- Dây hội thứ 5: hội 5.000.000 đồng, hội có lãi, dây hội bắt đầu từ ngày 25/11/2020 (âm lịch); các bên tham gia hội thỏa thuận hoa hồng đối với chủ hội là 2.000.000 đồng. Dây hội gồm 22 hội viên, bà Th tham gia 02 phần hội; bà Th đã góp được 06 kỳ hội x 2 phần hội là 12 kỳ hội, còn 16 kỳ hội x 02 phần là 32 kỳ hội chưa góp.

Bà Th lãnh hội 02 lần của 02 phần hội, cụ thể:

+ Phần hội thứ nhất: bà Th lãnh ngày 25/11/2020 (âm lịch); bà Th đưa ra số tiền lãi là 800.000 đồng, tôi đã đưa cho bà Th 88.200.000 đồng, sau đó bà Th đưa cho tôi 2.000.000 đồng tiền hoa hồng, tổng cộng số tiền tôi đưa bà Th là 86.200.000 đồng.

+ Phần hội thứ hai: bà Th lãnh ngày 25/01/2021 (âm lịch); bà Th đưa ra số tiền lãi là 800.000 đồng, tôi đã đưa cho bà Th 89.800.000 đồng, sau đó bà Th đưa cho tôi 2.000.000 đồng tiền hoa hồng, tổng cộng số tiền tôi đưa bà Th là 87.800.000 đồng.

Dây hội này chưa kết thúc, đến tháng 8/2022 dây hội mới kết thúc, Dây hội này bà Th hiện đang không đóng lại hội. Số tiền mà bà phải góp lại là 16 kỳ x 02 phần = 32 kỳ hội x 5.000.000 đồng = 160.000.000 đồng.

Khi xảy ra tranh chấp thì tôi và bà Th đã hòa giải tại Ủy ban nhân dân xã Kiên An, bà Th thừa nhận là có nợ tiền hội của tôi. Bà có hứa là sẽ trả cho tôi, tuy nhiên, bà Th không thực hiện lời hứa.

Nay tôi yêu cầu bà Th trả cho tôi 290.000.000 đồng tiền hội phải góp và 4.000.000 đồng còn thiếu nợ hội trước đó. Tổng cộng số tiền mà tôi yêu cầu bà Th trả là 294.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

- *Bị đơn bà Lê Thị Th, trình bày*, giữa bà và ông X đã có thời gian chơi hội hơn 10 năm nay, tôi có tham gia chơi hội do ông X làm chủ hội.

Tính từ năm 2019 đến nay, tôi có tham gia chơi 05 dây hội do ông X làm chủ hội. Dây hội thứ nhất, hội 5.000.000 đồng, dây hội ngày 06/3/2020; dây hội thứ 2, hội 5.000.000 đồng, dây hội ngày 10/10/2019; dây hội thứ 3, dây hội 5.000.000 đồng, dây hội ngày 15/4/2020; dây hội thứ 4, hội 2.000.000 đồng, dây hội ngày 20/5/2020; dây hội thứ 5, hội 5.000.000 đồng, ngày 25/11/2020. Bà Th thừa nhận có chơi 05 dây hội này, còn nợ ông X số tiền là tiền 290.000.000 đồng, nhưng không có khả năng trả ngay, nên đề nghị trả hàng tháng, do bà đang đau ốm nên không trả một lúc được.

Tại phiên tòa:

- Ông Nguyễn Văn X trình bày ý kiến, yêu cầu như đã cung cấp trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và xác định không có tài liệu, chứng cứ khác giao nộp cho Tòa án chứng minh cho ý kiến, yêu cầu của mình; xác định đây hội 5.000.000đồng ngày 25/11/2020, bà Th tham gia 02 phần hội, còn 02 phần hội nữa sẽ dứt hội, nên ông X tự nguyện rút lại yêu cầu khởi với số tiền 20.000.000đồng, riêng số tiền 4.000.000đồng do bà Th không thừa nhận, nên ông X tự nguyện rút lại yêu cầu khởi kiện với tổng số tiền 24.000.000đồng.

- Bà Lê Thị Th xác định các tài liệu chứng cứ đã giao nộp là đúng, không có tài liệu chứng cứ khác giao nộp cho Tòa án, cũng như không có yêu cầu khác để chứng minh cho quyền, nghĩa vụ của mình, tại phiên tòa bà Th thừa nhận đến nay còn nợ ông X số tiền hội như ông X đã trình bày, nhưng không thừa nhận số tiền vay thêm là 4.000.000đồng.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71 và 234 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Ông Nguyễn Văn X có làm chủ nhiều dây hội, bà Lê Thị Th là hội viên có tham gia nhiều dây hội, đã hốt xong, còn nợ hội chết tổng cộng 294.000.000 đồng gồm dây hội 5.000.000 đồng/tháng ngày 06/3/2020, nợ 35.000.000 đồng; dây hội 5.000.000 đồng/tháng ngày 10/10/2019, nợ 15.000.000 đồng; dây hội 5.000.000 đồng/tháng ngày 15/4/2020, nợ 40.000.000 đồng; dây hội 2.000.000 đồng/tháng ngày 20/5/2020, nợ 40.000.000 đồng; dây hội 5.000.000 đồng/tháng ngày 25/11/2020, nợ 160.000.000 đồng và nợ hội cũ 4.000.000 đồng. Nay, ông X yêu cầu bà Th trả 290.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất. Rút lại yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 4.000.000 đồng.

Phía bà Th thừa nhận từ năm 2019 đến nay, có tham gia 05 dây hội nêu trên, đã hốt hội và còn nợ lại hội chết 290.000.000 đồng, do hoàn cảnh khó khăn xin trả dần hàng tháng và yêu cầu xét xử vắng mặt.

Xét thấy, căn cứ ông X khởi kiện là các giấy hội trong đó ông X là chủ hội, bà Th là hội viên với tên “Vợ Dũng” nên có cơ sở xác định hai bên có giao kết hợp đồng góp hội. Quá trình giao kết hợp đồng, bà Th đã bỏ hội hốt 05 dây hội nhưng vi phạm nghĩa vụ góp hội theo định kỳ nên ông X khởi kiện yêu cầu bà Th trả 290.000.000 đồng là có căn cứ phù hợp Điều 471 Bộ luật Dân sự.

Tuy nhiên, tại phiên tòa ông X xác định dây hội 5.000.000 đồng ngày 25/11/2020, bà Th tham gia 02 phần và còn 02 lần hội nữa sẽ chấm dứt nên ông X tự nguyện rút lại 20.000.000 đồng và sẽ khởi kiện sau khi hội chấm dứt. Riêng, số tiền 4.000.000 đồng do bà Th không thừa nhận nên ông X đã tự nguyện rút lại yêu cầu khởi kiện nên cần đình chỉ với tổng số tiền 24.000.000 đồng theo Điều 217, 244 Bộ luật Tố tụng dân sự. Riêng, bà Th có yêu cầu xin trả

dần hàng tháng do điều kiện khó khăn nhưng không được ông X đồng ý nên không xem xét, đề nghị:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn X.
- Buộc bà Lê Thị Th trả ông Nguyễn Văn X 270.000.000 đồng.
- Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn X đối với số tiền 24.000.000 đồng.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại các Điều 471 Bộ luật Dân sự; Điều 217, 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, xem xét, quyết định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng:

Ông Nguyễn Văn X và bà Lê Thị Th hiện đang cư trú trên địa bàn huyện Chợ Mới, giữa ông X, bà Th có quan hệ góp hui, nên Hội đồng xét xử thống nhất quan hệ tranh chấp để giải quyết vụ án là “tranh chấp về Hợp đồng góp hui” theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự, nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới.

[2] Về nội dung: giữa ông Nguyễn Văn X và bà Lê Thị Th có quan hệ góp hui (họ) theo đó ông X là chủ hui, bà Th là hui viên, từ năm 2019 bà Th đã tham gia 05 dây hui, mỗi dây 5.000.000đồng, tại các ngày 10/10/2019, 06/3/2020, 15/4/2020, 25/11/2020, riêng dây hui ngày 20/5/2020 là 2.000.000 đồng. Bà Th đã thực hiện châu hui, cũng như đã thực hiện hốt hui tại các dây hui này, tại sổ hui thể hiện tên hui viên của bà là “Vợ Dũng”, nên các tài liệu là sổ hui do ông X cung cấp là phù hợp với lời khai của ông X và bà Th thừa nhận việc có chơi hui, góp hui, hốt hui (lĩnh hui), như ông X đã trình bày; nên đây là tài liệu, chứng cứ không cần chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét thấy, giữa ông X, bà Th có quan hệ là chủ hui (họ) và hui viên, với tư cách là hui viên bà Th đã hốt hui, nhưng đến nay không thực hiện nghĩa vụ thanh toán hui chết cho ông X, mặc dù trong các dây hui này có các dây hui đến nay chưa mảng, nhưng giữa ông X, bà Th đều thống nhất số tiền nợ hui mà bà Th đến nay còn chưa thanh toán cho ông X với số tiền là 290.000.000đồng, nhưng tại phiên tòa ông X xác định tại dây hui 5.000.000đồng, ngày 25/11/2020, bà Th có tham gia 02 phần hui, và còn 02 tháng nữa hui mới dứt, nên ông tự nguyện rút yêu cầu khởi kiện với số tiền là 20.000.000đồng, mặc dù bà Th thừa nhận tiền nợ hui của ông X. Tuy nhiên, việc ông X rút yêu cầu khởi kiện là không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu theo quy định tại Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nên Hội đồng xét xử thống nhất đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông X với số tiền 20.000.000đồng.

Việc cả ông X, bà Th đều thống nhất về phương thức chơi hui, thời gian đóng hui, hốt hui, châu hui và số tiền nợ hui theo tài liệu, chứng cứ mà ông X đã cung cấp; bà Th thừa nhận số tiền còn nợ hui của ông X, nên đến nay việc bà Th

thừa nhận không còn khả năng đóng hội, coi như đã rút khỏi thành viên tham gia hội, và phải thực hiện nghĩa vụ của hội viên theo quy định tại Điều 10, 15 Nghị định số 19/20219/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ; nên bà Th phải nghĩa vụ thanh toán lại số tiền này cho ông X, mặc dù bà Th có yêu cầu trả dần hàng tháng, nhưng ông X không đồng ý. Đó đó, Hội đồng xét xử thống nhất, việc ông X khởi kiện là có căn cứ, bà Th cũng thừa nhận số tiền còn nợ hội của ông X, nhưng do không có khả năng trả một lần, đề nghị trả dần, do ông X không đồng ý, nên bà Th phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền 270.000.000đồng cho ông X, theo quy định pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Đối với số tiền 4.000.000đồng, ông X cho rằng đây là số tiền do bà Th còn nợ tiền hội cũ, nhưng chưa trả, bà Th không công nhận số nợ này; tại phiên tòa ông X đề nghị rút yêu cầu khởi kiện đối với số tiền này. Việc rút yêu cầu khởi kiện của ông X là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật, nên Hội đồng xét xử thống nhất đình chỉ yêu cầu khởi kiện theo quy định tại các Điều 217, 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.4] Về án dân sự sơ thẩm:

- Do yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn X được chấp nhận, nên ông X được hoàn lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

- Bà Lê Thị Th phải chịu án phí tương ứng với số tiền 270.000.000đồng, theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

*Căn cứ các Điều 357, 471 Bộ luật Dân sự năm 2015;*

*Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 144, 147, 271, 273 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;*

*Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;*

*Căn cứ Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2020 về hội, họ, điều, phường của Chính phủ.*

*Tuyên xử:*

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Nguyễn Văn X đối với bị đơn bà Lê Thị Th;

- Buộc bà Lê Thị Th phải trả ông Nguyễn Văn X số tiền 270.000.000đồng (*hai trăm bảy mươi triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn X đối với số tiền 24.000.000đồng (*hai mươi bốn triệu đồng*).

3. Về án phí sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Văn X được nhận lại số tiền 7.350.000đồng (*bảy triệu, ba trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án, lệ phí Tòa án số 0004682 ngày 27 tháng 5 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới cấp.

- Bà Lê Thị Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền 13.500.000đồng (*mười ba triệu, năm trăm nghìn đồng*), bà Th phải có nghĩa vụ nộp án phí tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4. Về quyền kháng cáo:

- Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, ông Nguyễn Văn X, bà Lê Thị Th có mặt, có quyền kháng cáo đề yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.*

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện Chợ Mới (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới (1);
- Các đương sự (để thi hành) (2);
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Trung Kiên**